

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 dự án 1, dự án 2, dự án 4, tiểu dự án 2 dự án 10 thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Ba Tơ giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ 2021-2025
Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc dự án 01 và tiểu dự án 1, dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2025;

Căn cứ Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi. Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh và giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh nội bộ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2023 kế dài sang năm 2024) thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi, Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (đợt 3) thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1 từ năm 2021-2025, Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Ba Tơ khóa XII kỳ họp thứ 15 về kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Ba Tơ giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ 2021-2025; nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Ba Tơ khóa XII kỳ họp thứ 17 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm 2024 của tiểu dự án 1 dự án 4 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Ba Tơ giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ 2021-2025; nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh.

Căn cứ Công văn số 972/BDT-CSĐT ngày 15/8/2024 của Ban Dân tộc tỉnh về việc bố trí vốn và đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án 2;

Căn cứ Thông báo kết luận số 421/TB-UBND ngày 20/8/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Phước Hiền tại cuộc họp nghe báo cáo, giải quyết vướng mắc có liên quan đến Dự án nâng cấp mở rộng hệ thống thủy lợi Hồ Núi Ngang – Liệt Sơn và vướng mắc trong việc xây

dựng kế hoạch đầu tư công của UBND huyện Ba Tơ do ảnh hưởng dự án Hồ Thương Sông Vệ, đập Hạ lưu Sông Vệ.

Trên cơ sở đề nghị của các Chủ đầu tư và nguồn vốn được UBND tỉnh giao điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 và Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 31/7/2024, Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 12/9/2024, Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 và Công văn số 972/BDT-CSĐT ngày 15/8/2024 của Ban Dân tộc tỉnh; UBND huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét ban hành Nghị quyết về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 **dự án 1, dự án 2, dự án 4, tiểu dự án 2 dự án 10** thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Ba Tơ (*gọi tắt là chương trình*), cụ thể như sau:

1. Về nguyên tắc phân bổ

- Đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, các Nghị định của Chính phủ, các Thông tư của Bộ ngành, các văn bản pháp luật liên quan và các hướng dẫn của Trung ương và địa phương về xây dựng và phân bổ vốn đầu tư công năm 2024.

- Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 được phân bổ để thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần và danh mục dự án đầu tư đảm bảo phù hợp với kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND huyện phê duyệt tại Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2023, Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 17/6/2024 của Hội đồng nhân dân huyện và số vốn UBND tỉnh giao điều chỉnh, bổ sung tại các Quyết định số: Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 và Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 31/7/2024, Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 12/9/2024, Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 và Công văn số 972/BDT-CSĐT ngày 15/8/2024 của Ban Dân tộc tỉnh.

2. Nguồn vốn điều chỉnh, bổ sung

2.1. Về điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 là 13.997 triệu đồng (trong đó ngân sách trung ương là: 12.797 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 1.200 triệu đồng), cụ thể:

- Điều chỉnh giảm dự án 1 số tiền 714 triệu đồng (*ngân sách Trung ương 649 triệu đồng, ngân sách tỉnh 65 triệu đồng*) tại các xã: Ba Giang, Ba Nam, Ba Bích và 05 công trình nước sinh hoạt tập trung đã hoàn thành kế hoạch vốn kéo dài. Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2024 theo Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 và Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh.

- Điều chỉnh giảm dự án 2 số tiền 3.410 triệu đồng (*ngân sách Trung ương 3.100 triệu đồng, ngân sách tỉnh 310 triệu đồng*) từ công trình chưa đủ điều kiện bố trí vốn đầu tư. Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2024 theo Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh.

- Điều chỉnh giảm dự án 2 số tiền 732 triệu đồng (*ngân sách Trung ương 666 triệu đồng, ngân sách tỉnh 66 triệu đồng*) từ khu tái định cư tập trung tổ 4 thôn Nước Lãng xã Ba Xa chưa thực hiện năm 2024. Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2024 công trình chưa thực hiện để hỗ trợ nhà ở cho 17 hộ đủ điều kiện di dời về khu tái định cư tập trung thôn Trà Nô xã Ba Tô theo đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh tại Công văn số 972/BDT-CSDT ngày 15/8/2024 của Ban Dân tộc tỉnh.

- Điều chỉnh giảm dự án 4 số tiền 2.857 triệu đồng (*trong đó ngân sách Trung ương là 2.598, ngân sách tỉnh là: 259 triệu đồng*) từ 03 công trình của xã Ba Lễ. Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2024 của 03 công trình trên địa bàn xã Ba Lễ theo Thông báo kết luận số 421/TB-UBND ngày 20/8/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Điều chỉnh giảm tiêu dự án 2 dự án 10 số tiền 6.284 triệu đồng (*trong đó ngân sách Trung ương là 5.784 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 500 triệu đồng*). Lý do điều chỉnh: Giảm kế hoạch vốn năm 2024 theo Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh.

2.2. Điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn năm 2024 là 13.382 triệu đồng (*trong đó ngân sách trung ương là: 12.148 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 1.234 triệu đồng*) cụ thể:

- Điều chỉnh bổ sung dự án 2 số tiền 732 triệu đồng (*ngân sách Trung ương 666 triệu đồng, ngân sách tỉnh 66 triệu đồng*). Lý do điều chỉnh bổ sung: Bổ sung kế hoạch vốn năm 2024 để hỗ trợ nhà ở cho 17 hộ đủ điều kiện di dời về khu tái định cư tập trung thôn Trà Nô xã Ba Tô theo đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh tại Công văn số 972/BDT-CSDT ngày 15/8/2024 của Ban Dân tộc tỉnh.

- Điều chỉnh bổ sung dự án 4 số tiền 12.650 triệu đồng (*ngân sách Trung ương 11.482 triệu đồng, ngân sách tỉnh 1.168 triệu đồng*) cho những công trình khởi công mới năm 2024. Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn năm 2024 theo Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh, Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 12/9/2024, Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 và kinh phí điều chỉnh giảm 03 công trình của xã Ba Lễ.

(Chi tiết theo phụ lục kèm theo)

Để tạo điều kiện cho các Chủ đầu tư sớm triển khai thực hiện, đảm bảo giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao. Nội dung điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, tiểu dự án, dự án, chương trình ngoài nguồn vốn đã giao cho các Chủ đầu tư từ đầu năm thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND huyện tại điểm c, Khoản 7 Điều 67 và Khoản 2 Điều 83 Luật Đầu tư công.

Các nội dung khác không điều chỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 06 tháng 3 năm 2024 và Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Ba Tơ.

Kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định. / *S. Luach*
(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 138/TTr-UBND ngày 18/10/2024 của
UBND huyện)

* Nơi nhận: *lm*

- Như trên;
- Thường trực Huyện ủy; (báo cáo)
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng: Dân tộc, TC-KH;
- VP HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT, DT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Giang Nam

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 (BAO GỒM NĂM 2023 KÉO DÀI SANG)
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI; NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG, NGÂN SÁCH TỈNH, NGÂN SÁCH HUYỆN

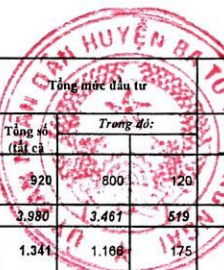


(Kèm theo Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 29/10/2024 của UBND huyện Ba To)

Đơn: triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quy mô dự kiến	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư công đã phân bổ năm 2024 (gồm 2023 kéo dài sang *)				Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh							Ghi chú	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:							
							NSTW	NSDP		NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	Tăng	Giảm	NS tỉnh				NS huyện
																					Tổng	Tăng	Giảm		
TỔNG CỘNG (A+B+C+D)						97.411	84.986	12.425	97.298,000	84.986,000	8.278,000	4.147,000	43.643,585	38.282,874	4.254,711	1.106,000	43.028,585	37.633,874	12.158,000	12.807,000	4.288,711	1.545,000	1.511,000	1.106,000	
A	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					31.169	27.080	4.089	31.169,000	27.080,000	2.721,000	1.368,000	8.278,585	6.090,874	1.081,711	1.106,000	7.564,585	5.441,874	10,000	659,000	1.016,711	8,000	73,000	1.106,000	
1	<i>Hỗ trợ nhà ở</i>					11.271	9.778	1.493	11.271,000	9.778,000	988,000	505,000	6.740,000	5.848,000	579,000	313,000	6.331,874	5.441,874	10,000	416,126	577,000	8,000	10,000	313,000	
	Hỗ trợ nhà ở (04 hộ)	UBND xã Ba Liên	12 hộ	Xã Ba Liên	2024-2025	537	468	69	537	468	46	23	187	156	14	17	187,000	156,000	0,000	14,000	0,000	0,000	17		
	Hỗ trợ nhà ở (10 hộ)	UBND thị trấn Ba To	12 hộ	Thị trấn Ba To	2024-2025	537	468	69	537	468	46	23	447	390	38	19	456,000	390,000	0,000	40,000	2,000		26		
	Hỗ trợ nhà ở (42 hộ)	UBND xã Ba Diễn	50 hộ	Xã Ba Diễn	2024-2025	2.242	1.950	292	2.242	1.950	195	97	1.890	1.638	163	89	1.908,000	1.648,000	10,000	0,000	163,000	0,000	0,000	97	
	Hỗ trợ nhà ở (07 hộ)	UBND xã Ba Bích	20 hộ	xã Ba Bích	2024-2025	897	780	117	897	780	78	39	315	273	28	14	225,000	195,000	0,000	78,000	18,000	0,000	10,000	12	
	Hỗ trợ nhà ở (30 hộ)	UBND xã Ba Tô	54 hộ	xã Ba Tô	2024-2025	2.353	2.017	336	2.353	2.017	215	121	1.350	1.170	120	60	1.352,000	1.170,000	0,000		120,000	0,000		62	
	Hỗ trợ nhà ở (27 hộ)	UBND xã Ba Đình	29 hộ	xã Ba Đình	2024-2025	1.300	1.131	169	1.300	1.131	113	56	1.300	1.131	113	58	1.299,000	1.131,000	0,000		113,000			55	
	Hỗ trợ nhà ở (03 hộ)	UBND xã Ba Giang	7 hộ	xã Ba Giang	2024-2025	313	273	40	313	273	27	13	315	273	28	14	182,000	146,000	0,000	127,000	28,000			8	
	Hỗ trợ nhà ở (12 hộ)	UBND xã Ba Ngạc	27 hộ	xã Ba Ngạc	2024-2025	1.210	1.053	157	1.210	1.053	105	52	531	466	39	26	531,000	466,000			39,000			26	
	Hỗ trợ nhà ở (04 hộ)	UBND xã Ba Nam	42 hộ	xã Ba Nam	2024-2025	1.882	1.638	244	1.882	1.638	163	81	405	351	36	18	191,874	139,874	0,000	211,126	42,000	6,000		10	
2	<i>Nước sinh hoạt tập trung (* ngân sách TƯ và ngân sách tỉnh là vốn kéo dài)</i>					19.898	17.302	2.596	19.898	17.302	1.733	863	1.538,585	242,874	502,711	793,000	1.232,711	0,000	0,000	242,874	439,711	0,000	63,000	793,000	
	Nâng cấp mở rộng nước sinh hoạt Tó 8 thôn Gò Pàng	Phòng NN&PTNT	79 hộ	xã Ba Đình	2022-2023	563	490	73	563	490	49	24	80,055	7,960	49,095	23,000	72,095	0,000		7,960	49,095		23,000	Giám kê hoạch vốn kéo dài	
	Nâng cấp mở rộng nước sinh hoạt Thôn Láng Dút	Phòng NN&PTNT	50 hộ	Xã Ba Nam	2022-2023	2.496	2.171	325	2.496	2.171	218	107	171,197	10,197	66,000	95,000	161,000	0,000		10,197	66,000		95,000	nt	
	Nước sinh hoạt thôn Mang Lùng I xã Ba Tô	Phòng NN&PTNT	140 hộ	Xã Ba Tô	2022-2023	2.455	2.136	319	2.455	2.136	213	106	98,000	0,000	0,000	98,000	98,000	0,000		0,000	0,000		98,000	nt	
	Nước sinh hoạt thôn Hy Long	Phòng NN&PTNT	97 hộ	Xã Ba Diễn	2022-2023	3.206	2.788	418	3.206	2.788	279	139	221,129	54,884	36,245	130,000	148,245	0,000		54,884	18,245		18,000	130,000	nt
	Nước sinh hoạt tập trung thôn Gò Re	Phòng NN&PTNT	100 hộ	Xã Ba Xa	2022-2023	2.920	2.539	381	2.920	2.539	255	126	324,522	116,522	98,000	110,000	181,000	0,000		116,522	71,000		27,000	110,000	nt
	Nước sinh hoạt tập trung Suối Quỳ, Mang Biều	Phòng NN&PTNT	76 hộ	Xã Ba Tiêu	2022-2023	3.780	3.286	494	3.780	3.286	329	165	241,899	53,311	33,588	155,000	170,588	0,000		53,311	15,588		18,000	155,000	nt
	Nước sinh hoạt xóm Ông Chốt thôn Láng Tắt	Phòng NN&PTNT	50 hộ	Xã Ba Lê	2022-2023	1.987	1.727	260	1.987	1.727	174	86	173,135	0,000	95,135	78,000	173,135	0,000		0,000	95,135			78,000	nt
	Nước sinh hoạt thôn Láng Xi I xã Ba Tô	Phòng NN&PTNT	63 hộ	Xã Ba Tô	2022-2023	2.058	1.788	270	2.058	1.788	180	90	197,652	0,000	112,652	85,000	197,652	0,000		0,000	112,652			85,000	nt
	Sửa chữa nâng cấp Nước sinh hoạt tập trung Nước Ló	Phòng NN&PTNT	79 hộ	Xã Ba Giang	2023-2024	433	377	56	433	377	36	20	30,996	0,000	11,996	19,000	30,996	0,000		0,000	11,996			19,000	nt
B	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết					7.832	6.812	1.020	7.832	6.812	680	340	7.805	7.126	679	-	4.395	4.025	666	3.766	369	369	679	-	
1	<i>Điều chỉnh giảm</i>																								

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quy mô dự kiến	Địa điểm xây	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư công đã phân bổ năm 2024 (gồm 2023 kéo dài sang *)				Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh						Ghi chú	
						Tổng số (tất cả)	Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:								
																NSTW		NS tỉnh						
Để lại chưa phân bổ chi tiết vì công trình chưa đủ điều kiện phân bổ năm 2024																								
	Khu tái định cư tập trung số 4 thôn Nước Lãng xã Ba Xa	BQLDA ĐTXD&PT QĐ	25 hộ	Xã Ba Xa	2023-2025	7.067	6.146	921	7.067	6.146	614	307	4.026	4.026	-	3.663	3.380	-	666	303	303	-	-	-
II	Bổ sung danh mục					765	666	99	765	666	66	33	-	-	-	732	666	666	-	66	66	-	-	-
	Hỗ trợ nhà ở cho các hộ dân di dời và khu tái định cư tập trung Trà Nô xã Ba Tô	UBND xã Ba Tô	17 hộ	xã Ba Tô		765	666	99	765	666	66	33	-	-	-	732	666	666	-	66	66	-	-	-
C	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					50.324	43.759	6.566	50.211	43.759	4.377	2.188	21.276	19.282	1.994	-	31.069	28.166	11.482	2.598	2.903	1.168	259	-
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN					50.324	43.759	6.566	50.211	43.759	4.377	2.188	21.276	19.282	1.994	-	31.069	28.166	11.482	2.598	2.903	1.168	259	-
1	BQL DA ĐTXD&PTQĐ					19.204	16.701	2.503	19.204	16.701	1.670	833	7.903	7.114	789	-	6.992	6.214	900	1.800	778	169	180	-
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường thị trấn Ba Tô - Ba Đình	BQL ĐABTXD &PTQĐ	4,2km	Thị trấn Ba Tô - xã Ba Đình	2024-2025	7.728	6.722	1.006	7.728	6.722	672	334	3.026	2.724	302	3.665	3.224	500	-	441	139	-	-	-
	Nâng cấp tuyến đường Mang Krá - Gò Re	BQL ĐABTXD &PTQĐ	4,5km	xã Ba Xa	2024-2025	6.876	5.979	897	6.876	5.979	598	299	2.897	2.590	307	3.327	2.990	400	-	337	30	-	-	-
	Trường TH&THCS Ba Lê; hạng mục: Nhà hiệu bộ, công trình phụ trợ, thiết bị	BQL ĐABTXD &PTQĐ	Dẫn dụng, cấp III	xã Ba Lê	2024-2025	4.600	4.000	600	4.600	4.000	400	200	1.980	1.800	180	-	-	-	1.800	-	-	180	-	Cắt giảm
2	Ba Lê					2.041	1.775	266	2.041	1.775	178	88	877	798	79	-	-	-	798	-	-	79	-	-
	BTXM ngã ba nhà Ông Gây đi nhà Ông Kéo	UBND xã Ba Lê	440m	xã Ba Lê	2024-2025	810	705	105	810	705	71	34	348	317	31	-	-	-	317	-	-	31	-	Cắt giảm
	Đập và kênh Nước Cóp	UBND xã Ba Lê	Đập dài 15m, kênh dài 300m	xã Ba Lê	2024-2025	1.231	1.070	161	1.231	1.070	107	54	529	481	48	-	-	-	481	-	-	48	-	Cắt giảm
3	Ba Liên					456	396	60	456	396	39	21	195	178	17	-	426	388	210	-	38	21	-	-
	Nối tiếp tuyến đường BTXM từ nghĩa địa đi cánh đồng Đồng Nghệ	UBND xã Ba Liên	L=248 m	Xã Ba Liên	2024-2025	456	396	60	456	396	39	21	195	178	17	426	388	210	-	38	21	-	-	-
4	Ba Khâm					1.137	989	148	1.137	989	99	49	489	445	44	-	1.088	989	544	-	99	55	-	-
	Nối tiếp tuyến đường BTXM trường Mầm non Hồ Sáu - Gò Róc	UBND xã Ba Khâm	l=0,7km	Xã Ba Khâm		1.137	989	148	1.137	989	99	49	489	445	44	1.088	989	544	-	99	55	-	-	-
5	Thị trấn Ba Tô					2.612	2.269	343	2.612	2.269	227	116	1.120	1.020	100	-	2.461	2.250	1.230	-	211	111	-	-
	BTXM đường từ nhà ông Thôn đến nhà ông Lãng	UBND thị trấn Ba Tô	319 m	TDP Uy Năng	2023-2025	587	510	77	587	510	51	26	251	229	22	559	509	260	-	50	28	-	-	-
	KCH kênh dòng Mang Tinh	UBND thị trấn Ba Tô	300 m	TDP Kon Dung	2023-2025	488	425	63	488	425	42	21	209	191	18	462	421	230	-	41	23	-	-	-
	Nâng cấp, cải tạo BTXM từ đường Ba Tô - Ba Bích đi KDC số 3, TDP Kon Dung, thị trấn Ba Tô	UBND thị trấn Ba Tô	730 m	TDP Kon Dung	2024-2025	1.089	946	143	1.089	946	94	49	462	420	42	1.022	940	520	-	82	40	-	-	-
	Nâng cấp, cải tạo BTXM từ đường thị trấn Ba Tô - đi Nước Đàng, Ba Bích đến nhà ông Phạm Văn Địch thuộc TDP Đá Bàn, thị trấn Ba Tô	UBND thị trấn Ba Tô	170 m	TDP Đá Bàn	2024-2025	448	388	60	448	388	40	20	198	180	18	418	380	200	-	38	20	-	-	-
6	Ba Đình					5.802	5.045	757	5.802	5.045	504	253	2.493	2.269	224	-	5.350	4.867	2.598	-	483	259	-	-
	Nâng cấp và BTXM đường GTNT tuyến từ Tổ 1 Nước Lãng (Đồng Xa)- Tổ 3 Kách Lang	UBND xã Ba Đình	1,5km	xã Ba Đình	2024-2025	2.657	2.310	347	2.657	2.310	231	116	1.142	1.039	103	2.370	2.156	1.117	-	214	111	-	-	-
	Nối tiếp BTXM đường GTNT tuyến từ Tổ 3 đi tổ 4 Kách Lang	UBND xã Ba Đình	1,4km	xã Ba Đình	2024-2025	2.558	2.225	333	2.558	2.225	222	111	1.100	1.001	99	2.420	2.201	1.200	-	219	120	-	-	-
	Kiên cố hòa Kênh Ma Mang 1,2 thôn Lãng Mãng	UBND xã Ba Đình	0,3km	xã Ba Đình	2024-2025	587	510	77	587	510	51	26	251	229	22	560	510	281	-	50	28	-	-	-
7	Xã Ba Thành					2.810	2.444	366	2.810	2.444	245	121	1.208	1.099	109	-	2.535	2.316	1.217	-	219	110	-	-
	BTXM tuyến đường trường tiểu học đến nhà bà Tâm Thu	UBND xã Ba Thành	0,7km	xã Ba Thành		1.272	1.105	167	1.272	1.105	111	56	546	497	49	1.111	1.017	520	-	94	45	-	-	-
	Nối tiếp KCH Kênh ruộng Y Nâu	UBND xã Ba Thành	320m	xã Ba Thành		618	539	79	618	539	54	25	266	242	24	588	539	297	-	49	25	-	-	-



TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quy mô dự kiến	Địa điểm xây	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư công đã phân bổ năm 2024 (gồm 2023 kéo dài sang *)				Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh						Ghi chú	
						Tổng số (tất cả)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Trong đó:							
							NSTW	NS tỉnh		Tổng số	NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh					
	BTXM tuyến đường từ ngã ba Hành Tín Tây đến nhà bà Nguyệt	UBND xã Ba Thành	500m	xã Ba Thành		920	800	120	920	800	80	40	396	360	36		836	760	400		76	40		
8	Xã Ba Nam					3.980	3.461	519	3.980	3.461	346	173	1.711	1.556	155	-	2.811	2.556	1.000	-	255	100	-	-
	BTXM nối tiếp UBND Xã đi Lăng Vồ	UBND xã Ba Nam	0,7km	xã Ba Nam	2024-2025	1.341	1.166	175	1.341	1.166	117	58	576	524	52		1.016	924	400		92	40		
	BTXM nối tiếp UBND Xã đi Mang Tương	UBND xã Ba Nam	1,5km	xã Ba Nam	2024-2025	2.639	2.295	344	2.639	2.295	229	115	1.135	1.032	103		1.795	1.632	600		163	60		
9	Xã Ba Ngạc					2.139	1.860	279	2.139	1.860	186	93	920	837	83	-	1.580	1.437	600	-	143	60	-	-
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường Ba Lăng, Tả Noát	UBND xã Ba Ngạc	1,6km	xã Ba Ngạc	2024-2025	2.139	1.860	279	2.139	1.860	186	93	920	837	83		1.580	1.437	600		143	60		
10	Xã Ba Bích					3.439	2.990	449	3.439	2.990	299	150	1.479	1.345	134	-	2.612	2.298	953	-	214	80	-	-
	Nhà văn hóa thôn Đồng Vào	UBND xã Ba Bích	Tối thiểu 100 chỗ ngồi	xã Ba Bích	2024-2025	1.564	1.360	204	1.564	1.360	136	68	673	612	61		1.046	955	343		91	30		
	Tường rào, cổng ngõ Nhà văn hóa thôn Nước Đang, Con Rã	UBND xã Ba Bích	Tường rào, cổng ngõ	xã Ba Bích	2024-2025	775	675	100	775	675	67	33	344	313	31		624	573	260		51	20		
	Đập và kênh Nước Bum thôn Nước Đang	UBND xã Ba Bích	Đập và kênh	xã Ba Bích	2024-2025	1.100	955	145	1.100	955	96	49	462	420	42		842	770	350		72	30		
11	Xã Ba Giang					2.598	2.259	339	2.485	2.259	226	113	1.117	1.016	101	-	1.903	1.742	726	-	161	60	-	-
	Nhà văn hóa thôn Ba Nhà	UBND xã Ba Giang	Tối thiểu 100 chỗ ngồi	xã Ba Giang	2024-2025	1.495	1.300	195	1.430	1.300	130	65	643	585	58		999	911	326		88	30		
	Nối tiếp BTXM Nước Lô - Gòn Khôn	UBND xã Ba Giang	0,9km	xã Ba Giang	2024-2025	1.103	959	144	1.055	959	96	48	474	431	43		904	831	400		73	30		
12	Xã Ba Tơ					4.106	3.570	536	4.106	3.570	358	178	1.764	1.605	159	-	3.411	3.109	1.504	-	302	143	-	-
	Đường BTXM đi Lăng Danh (Làng Ma)	UBND xã Ba Tơ	650m	Làng Ma	2024-2025	1.173	1.020	153	1.173	1.020	102	51	504	459	45		944	859	400		85	40		
	Đường BTXM đi xóm Nước Đi (Làng Ma)	UBND xã Ba Tơ	800m	Làng Ma	2024-2025	1.466	1.275	191	1.466	1.275	128	63	630	573	57		1.064	975	402		89	32		
	Đường BTXM từ cầu treo - Lăng Chai 2 (Làng Xi 2)	UBND xã Ba Tơ	800m	Làng Xi 2	2024-2025	816	709	107	816	709	71	36	343	312	31		780	709	397		71	40		
	Đường BTXM vào xóm Mang KaRê, thôn Trà Nô	UBND xã Ba Tơ	340m	Trà Nô	2024-2025	651	566	85	651	566	57	28	287	261	26		623	566	305		57	31		
D	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương					8.086	7.335	751	8.086	7.335	500	251	6.284	5.784	500	-	-	-	-	5.784	-	-	500	-
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Chưa phân bổ)					8.086	7.335	751	8.086	7.335	500	251	6.284	5.784	500	-	-	-	-	5.784	-	-	500	-